

Số: 49/2008/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế, người khai hải quan do hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức thuế, cán bộ, công chức hải quan trong khi thi hành công vụ gây ra

Căn cứ Luật quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 97/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Bộ Tài chính hướng dẫn bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế, người khai hải quan do hành vi vi phạm pháp luật cán bộ, công chức thuế, cán bộ, công chức hải quan trong khi thi hành công vụ gây ra như sau:

I. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

1. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại

a) Cơ quan quản lý thuế trực tiếp quản lý cán bộ, công chức thuế, cán bộ công chức hải quan (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý thuế) phải bồi thường thiệt hại cho người nộp thuế, người khai hải quan do hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức gây ra trong thi hành công vụ.

b) Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế, người khai hải quan thực hiện quyền yêu cầu bồi thường; Kịp thời giải quyết bồi thường thiệt hại một cách công khai, công bằng và đúng pháp luật.

2. Người nộp thuế, người khai hải quan khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức thuế, hải quan có khả năng gây thiệt hại cho mình thì cảnh báo cho cán bộ, công chức thuế, hải quan hoặc cơ quan quản lý thuế biết.

Trường hợp có đủ điều kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại, người nộp thuế, người khai hải quan phải có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại (trong đơn ghi rõ: tên, địa chỉ của người yêu cầu bồi thường thiệt hại; tên, địa chỉ của cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại; lý do yêu cầu cơ quan quản lý thuế bồi thường; Các thiệt hại và mức yêu cầu bồi thường; số hiệu và trích yếu quyết định xử lý khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án) và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc xác định mức bồi thường thiệt hại gửi cơ quan quản lý thuế để xem xét giải quyết.

3. Các trường hợp bồi thường thiệt hại

Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm bồi thường cho người nộp thuế, người khai hải quan (sau đây gọi tắt là người bị thiệt hại) trong trường hợp cán bộ, công chức thuế, hải quan có hành vi sau:

- a) Quyết định hoàn thuế, ấn định thuế không đúng quy định của pháp luật;
- b) Xử lý và ra quyết định xử phạt hành chính thuế sai quy định của pháp luật về thuế;
- c) Xử lý và ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và các quyết định khác về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan trái quy định;
- d) Thực hiện các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính không có căn cứ và yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật về thuế, hải quan;

Trường hợp cán bộ, công chức thuế, hải quan có hành vi vi phạm gây thiệt hại về tiền, tài sản cho người bị thiệt hại nhưng được xác định là do lỗi của người bị thiệt hại thì cơ quan quản lý thuế không phải bồi thường thiệt hại; Trường hợp người bị thiệt hại có lỗi thì cơ quan quản lý thuế chỉ phải bồi thường phần thiệt hại tương ứng với mức độ lỗi do cán bộ công chức thuế, hải quan gây ra.

4. Điều kiện bồi thường thiệt hại

Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Có quyết định xử lý khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định hành vi của cán bộ, công chức thuế hải quan là trái pháp luật gây thiệt hại;
- b) Có thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức thuế, hải quan trong khi thi hành công vụ gây ra cho người nộp thuế, người khai hải quan thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 3, mục I Thông tư này;
- c) Người bị thiệt hại có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại trong thời hạn 2 năm kể từ ngày có quyết định xử lý khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định hành vi của cán bộ, công chức thuế hải quan là trái pháp luật gây thiệt hại;

5. Nguyên tắc thực hiện bồi thường.

a) Đối với thiệt hại là tiền thuế, tiền phạt, tiền tịch thu, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm :

- Hoàn trả lại khoản tiền thuế, tiền phạt, tiền tịch thu (nếu đã nộp vào ngân sách nhà nước thì làm thủ tục thoái thu ngân sách) và bồi thường tiền lãi tính trên số tiền thuế, tiền phạt, tiền tịch thu không đúng của người bị thiệt hại.

Thời gian tính lãi được tính từ ngày người bị thiệt hại nộp tiền thuế, tiền phạt; hoặc bị tịch thu tiền đến ngày ghi trong Quyết định bồi thường của cơ quan quản lý thuế.

Khoản tiền lãi được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố và có hiệu lực tại thời điểm cơ quan quản lý thuế ra Quyết định bồi thường.

b) Đối với thiệt hại là tài sản, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm:

- Trường hợp tài sản vẫn còn và không bị hư hỏng: trả lại tài sản cho người bị thiệt hại;

- Trường hợp tài sản còn nhưng bị hư hỏng mà có thể sửa chữa được: trả lại tài sản cho người bị thiệt hại và bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa; Nếu tài sản bị hư hỏng không thể sửa chữa được, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm bồi thường thiệt hại như đối với tài sản bị mất và thanh lý tài sản hư hỏng theo quy định;

- Trường hợp không còn tài sản (bị mất hoặc đã bán đấu giá): bồi thường tài sản theo giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật và mức độ hao mòn trên thị trường tại thời điểm giải quyết bồi thường;

6. Trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường thiệt hại

a) Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm tiếp nhận đơn và hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đối với hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại không có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định hành vi của cán bộ, công chức thuế hải quan là trái pháp luật gây thiệt hại thì cán bộ tiếp nhận phải trả lời ngay người yêu cầu bồi thường thiệt hại về việc không nhận đơn và hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại do chưa đủ điều kiện xem xét giải quyết bồi thường.

b) Đối với hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại có đủ điều kiện xem xét giải quyết bồi thường, cơ quan quản lý thuế thực hiện phân loại hồ sơ để xem xét xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- Nếu hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại đã có kết luận cụ thể về hành vi vi phạm của cán bộ công chức thuế, hải quan và mức độ thiệt hại tại quyết định xử lý khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ nếu đồng ý với kết luận tại văn bản trên thì ra quyết định bồi thường thiệt hại.

Trường hợp, không đồng ý với kết luận tại bản án, quyết định của Tòa án thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường

hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) có quyền từ chối giải quyết bồi thường thiệt hại và kháng án theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Nếu hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại mà tại quyết định xử lý khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án mới kết luận về hành vi vi phạm nhưng chưa xác định cụ thể về mức độ thiệt hại thì cơ quan quản lý thuế xử lý theo đúng trình tự quy định tại điểm c, khoản 6, Mục I Thông tư này.

c) Trình tự giải quyết hồ sơ yêu cầu bồi thường thiệt hại mà tại quyết định xử lý khiếu nại của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án chưa xác định cụ thể về mức độ thiệt hại:

- Cơ quan quản lý thuế tiếp nhận đơn, lập hồ sơ xử lý bồi thường thiệt hại (xác minh sơ bộ về mức độ thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ công chức thuế, hải quan gây ra) và trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại phải thông báo bằng văn bản cho người bị thiệt hại biết về dự kiến thời gian, địa điểm thương lượng hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) phải thành lập Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại và hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại (sau đây gọi tắt là Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại).

Thành phần Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại có 03 đến 05 thành viên, bao gồm: Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) làm Chủ tịch Hội đồng; Người phụ trách công tác tài chính - kế toán cơ quan quản lý thuế làm ủy viên; Đại diện đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ thuế, hải quan có liên quan đến trường hợp bồi thường thiệt hại; Lãnh đạo trực tiếp của cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại; Chuyên gia trong lĩnh vực bị thiệt hại (nếu cần).

Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại có nhiệm vụ: kiến nghị với người có thẩm quyền ra Quyết định bồi thường thiệt hại về mức và phương thức bồi thường thiệt hại; kiến nghị trách nhiệm hoàn trả, mức và phương thức hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại tại điểm a, khoản 3, Mục II Thông tư này.

Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại hoạt động theo nguyên tắc làm việc tập thể, quyết định theo đa số và giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Trong thời hạn 10 ngày (đối với vụ việc phức tạp là 15 ngày) kể từ ngày có Quyết định thành lập, Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại có trách nhiệm gửi văn bản kiến nghị với người có thẩm quyền ra Quyết định bồi thường thiệt hại về mức và phương thức bồi thường thiệt hại (kèm theo Biên bản họp Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại).

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại, Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) căn cứ vào mức và phương thức bồi thường thiệt hại do Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại kiến nghị để tổ chức thương lượng với người bị thiệt hại và ra quyết định bồi thường thiệt hại;

d) Quyết định bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào kết quả thương lượng, trường hợp thương lượng không thành thì căn cứ vào kiến nghị của Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại để xem xét, quyết định. Trong Quyết định bồi thường thiệt hại phải nêu rõ số tiền bồi thường thiệt hại; phương thức bồi thường thiệt hại (tiền mặt hoặc chuyển khoản); thời hạn bồi thường thiệt hại (không quá 15 ngày kể từ ngày ký Quyết định bồi thường thiệt hại); và phải gửi cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường, người được bồi thường thiệt hại và người có nghĩa vụ hoàn trả.

Trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý với Quyết định bồi thường thiệt hại của cơ quan quản lý thuế thì có quyền khiếu nại lên cơ quan cấp trên hoặc yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Việc bồi thường thiệt hại được thực hiện bằng tiền và chi trả một lần (trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác) theo đúng quy định về mức, phương thức và thời hạn bồi thường ghi trong Quyết định bồi thường thiệt hại. Quá thời hạn ghi trong Quyết định mà cơ quan quản lý thuế chưa thực hiện bồi thường thì phải trả tiền lãi tính trên số tiền bồi thường cho thời gian chậm bồi thường theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố và có hiệu lực tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện việc bồi thường.

7. Kinh phí bồi thường thiệt hại: căn cứ vào Quyết định bồi thường thiệt hại của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý thuế được sử dụng các nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý sử dụng để bồi thường kịp thời cho người bị thiệt hại.

Nguồn kinh phí đã sử dụng để bồi thường thiệt hại được bù đắp từ khoản tiền hoàn trả của cán bộ, công chức gây thiệt hại; nguồn tiền thu được từ xử lý tài sản (đối với trường hợp đã bán đấu giá hoặc bán thanh lý tài sản bị hỏng không thể sửa chữa được); từ các khoản bồi thường thiệt hại về tài sản của doanh nghiệp bảo hiểm (nếu có); và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

II. HOÀN TRẢ KHOẢN TIỀN BỒI THƯỜNG CỦA CÁN BỘ CÔNG CHỨC THUẾ, HẢI QUAN

1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện bồi thường có trách nhiệm yêu cầu cán bộ, công chức thuế, hải quan hoàn trả khoản tiền mà cơ quan quản lý thuế đã bồi thường cho người bị thiệt hại khi thực hiện một trong những hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại quy định tại khoản 3, Mục I Thông tư này. Trong trường hợp người bị thiệt hại đã có cảnh báo về hành vi vi phạm và khả năng gây thiệt hại mà cán bộ, công chức thuế, hải quan vẫn cố tình thực hiện thì phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền mà cơ quan quản lý thuế đã bồi thường cho người bị thiệt hại.

2. Xác định trách nhiệm hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại:

a) Việc xác định trách nhiệm hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại phải căn cứ vào số tiền mà cơ quan quản lý thuế đã bồi thường thiệt hại, mức độ lỗi của hành vi vi phạm và khả năng kinh tế của cán bộ, công chức thuế, hải quan.

Trường hợp nhiều người có hành vi vi phạm pháp luật cùng gây thiệt hại thì mỗi người vi phạm phải liên đới hoàn trả số tiền bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế đã bồi thường. Trách nhiệm hoàn trả của mỗi người được xác định tương ứng với mức độ lỗi của từng người; Trường hợp không xác định được mức độ lỗi của từng người thì mỗi người phải hoàn trả theo phần bằng nhau.

b) Cán bộ công chức thuế, hải quan gây thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả các khoản tiền mà cơ quan quản lý thuế đã bồi thường cho người bị thiệt hại cụ thể như sau:

- Đối với thiệt hại là tiền, tùy từng trường hợp để xác định cụ thể các khoản hoàn trả trong số các khoản tiền mà cơ quan quản lý thuế đã bồi thường thiệt hại quy định tại điểm a, khoản 5, Mục I Thông tư này, bao gồm: tiền lãi các khoản tiền tịch thu, phạt vi phạm hành chính, ấn định thuế sai quy định của pháp luật hoặc tiền lãi của khoản tiền hoàn thuế chậm.

- Đối với thiệt hại là tài sản, tùy theo từng trường hợp để xác định các khoản phải hoàn trả trong số các khoản tiền mà cơ quan quản lý thuế đã bồi thường thiệt hại quy định tại điểm b, khoản 5, Mục I Thông tư này, bao gồm: chi phí sửa chữa tài sản; hoặc giá trị của tài sản bị mất; hoặc chênh lệch giữa giá trị của tài sản với số tiền thực thu được do bán đấu giá, thanh lý tài sản.

c) Cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại được xem xét giảm trách nhiệm hoàn trả trong các trường hợp sau:

- Vi phạm lần đầu; hoặc đã chủ động áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm giảm bớt hậu quả thiệt hại.

- Vi phạm gây thiệt hại do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.

- Các điều kiện để thực thi công vụ bị hạn chế (nếu có đủ cơ sở để chứng minh).

- Thiệt hại xảy ra quá lớn mà khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của người gây thiệt hại không có khả năng hoàn trả được toàn bộ hoặc phần lớn thiệt hại đó. Cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại yêu cầu giảm mức hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại phải có tài liệu chứng minh khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài không đủ để hoàn trả toàn bộ hoặc phần lớn thiệt hại xảy ra.

3. Trình tự, thủ tục hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định bồi thường thiệt hại, Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) có trách nhiệm yêu cầu Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại làm việc để xem xét việc hoàn trả khoản tiền đã bồi thường thiệt hại của cán bộ, công chức thuế hải quan. Để bảo vệ quyền lợi của cán bộ, công chức, Hội đồng bổ sung thêm Chủ tịch công đoàn hoặc ủy viên ban chấp hành công đoàn cơ quan quản lý thuế (nếu thủ trưởng cơ quan là chủ tịch công đoàn) tham gia Hội đồng. Trong quá trình Hội đồng xem xét giải quyết việc hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại. Hội đồng có trách nhiệm tạo điều kiện cho

cán bộ, công chức thuế hải quan gây ra thiệt hại tham dự cuộc họp của Hội đồng để giải trình cụ thể vụ việc làm cơ sở xem xét nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại;

Hội đồng có nhiệm vụ: đánh giá tính chất của hành vi gây vi phạm thiệt hại, xác định trách nhiệm cụ thể của từng cán bộ, công chức thuế, hải quan có liên quan gây thiệt hại; xem xét các tình tiết giảm nhẹ; đánh giá khả năng kinh tế của cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại; Trên cơ sở đó, kiến nghị mức và phương thức hoàn trả.

Trong thời hạn 10 ngày (đối với vụ việc phức tạp là 15 ngày) kể từ ngày họp Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại, Hội đồng có trách nhiệm gửi văn bản kiến nghị với cấp có thẩm quyền mức và phương thức hoàn trả (kèm theo Biên bản họp Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại);

b) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Hội đồng giải quyết bồi thường thiệt hại và văn bản kiến nghị về mức và phương thức hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại, Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế hoặc Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp (trường hợp người gây thiệt hại là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm bồi thường) có trách nhiệm ký Quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại.

Quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại phải nêu rõ: Số tiền hoàn trả; Phương thức và thời hạn hoàn trả. Việc hoàn trả có thể thực hiện một lần bằng tài sản riêng (thời hạn 45 ngày, kể từ ngày ký quyết định hoàn trả) hoặc trừ dần vào thu nhập hàng tháng của cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại nhưng không quá 20% tổng thu nhập từ tiền lương và phụ cấp (nếu có); việc giảm trách nhiệm hoàn trả (nếu có).

c) Thực hiện Quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại

- Cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại có trách nhiệm thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả ghi trong Quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại cho cơ quan quản lý thuế đã trực tiếp bồi thường cho người bị thiệt hại.

- Trong quá trình thực hiện Quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại, người có nghĩa vụ hoàn trả được xem xét tạm hoãn thực hiện hoàn trả trong trường hợp: đang điều trị bệnh tại các bệnh viện, phụ nữ trong thời kỳ thai sản hoặc nuôi con nhỏ dưới một tuổi; gia đình đang trong hoàn cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế được Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi cư trú xác nhận. Thời hạn tạm hoãn thực hiện hoàn trả tối đa là 6 tháng. Trường hợp cán bộ, công chức thuế, hải quan có nghĩa vụ hoàn trả không thể thực hiện được nghĩa vụ hoàn trả do sự kiện bất khả kháng (tai nạn, thiên tai, hỏa hoạn, tử vong) thì được xem xét giảm hoặc miễn nghĩa vụ hoàn trả.

Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi ra quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại có trách nhiệm xem xét, quyết định đối với việc tạm hoãn; giảm hoặc miễn nghĩa vụ hoàn trả.

- Tiền hoàn trả phải được thu, theo dõi chi tiết cho từng lần nộp (nếu nộp nhiều lần) và được dùng để hoàn lại đúng với nguồn kinh phí đã sử dụng để bồi thường thiệt hại.

d) Biện pháp đảm bảo thực hiện việc hoàn trả

- Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm giám sát, đôn đốc việc thực hiện hoàn trả.

- Người chưa hoàn thành nghĩa vụ hoàn trả mà xin chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi ra quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại có trách nhiệm yêu cầu người đó phải hoàn trả phần còn thiếu trước khi chuyển công tác, thôi việc hoặc nghỉ hưu. Trường hợp, người đang thực hiện hoàn trả chưa có điều kiện trả ngay phần còn thiếu, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi ra quyết định hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại phải phối hợp với cơ quan, tổ chức nơi tiếp nhận công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú để yêu cầu người đó tiếp tục thực hiện việc hoàn trả.

- Trường hợp, người có nghĩa vụ hoàn trả cố tình trì hoãn, trốn tránh việc hoàn trả thì thủ trưởng cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi người có nghĩa vụ hoàn trả cư trú để có biện pháp đảm bảo thực hiện hoàn trả theo quy định của pháp luật.

e) Trường hợp cán bộ, công chức thuế, hải quan gây thiệt hại không đồng ý với quyết định của Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế về việc hoàn trả khoản tiền bồi thường thiệt hại thì có quyền khiếu nại lên cơ quan cấp trên trực tiếp hoặc yêu cầu Toà án giải quyết.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Tổng cục thuế, Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng Quốc hội; VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Sở TC, Cục thuế, Hải quan, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo; Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn